

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 01-11-2019

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Trường

Ông Phạm Tồn

Ông Mai Xuân Thành

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Bùi Thị Hồng Phượng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/TBTL-TA ngày 08 tháng 8 năm 2019 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1383/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Lê Văn T; địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị (Theo giấy ủy quyền ngày 26/02/2019). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

- Ông Lê Văn H - Luật sư Công ty Luật V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Trần Thị Ly L - Cán bộ nghiệp vụ pháp lý Công ty Luật V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Cùng địa chỉ: tỉnh Quảng Trị.

2. Bị đơn: Ông Thái Văn V và bà Trần Thị B; địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông V: Bà Trần Thị B; địa chỉ: Khu phố

6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị (Theo giấy ủy quyền ngày 02/4/2019). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- UBND huyện G; Địa chỉ: thị trấn G, huyện G, tỉnh, Quảng Trị.

Người đại diện theo pháp luật của UBND huyện G: Ông Trần Văn Q, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện G.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đăng A, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G (Theo văn bản ủy quyền số 620/UQ-UBND ngày 09/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện G). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2- UBND thị trấn huyện G; địa chỉ: thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo pháp luật của UBND thị trấn G: Ông Nguyễn Hữu T, chức vụ: Chủ tịch UBND thị trấn G. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3- Anh Lê Văn T, có mặt.

4- Anh Lê Ngọc Đ, vắng mặt.

5- Anh Lê Văn L, vắng mặt.

6- Anh Lê Văn K, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Ngọc Đ, anh Lê Văn L và anh Lê Văn K: Anh Lê Văn T; địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị (Theo giấy ủy quyền điều lập ngày 26/02/2019). Có mặt.

4. Người làm chứng:

1- Ông Nguyễn Xuân Đ1, vắng mặt;

2- Ông Nguyễn Chính H, có mặt;

3- Ông Nguyễn Đăng P, vắng mặt;

4- Ông Đỗ Văn T1, có đơn xin xét xử vắng mặt;

5- Ông Nguyễn Đức H, vắng mặt;

6- Ông Trần Ngọc X, vắng mặt;

7- Ông Nguyễn Minh C, vắng mặt;

8- Bà Phan Thị L, vắng mặt;

9- Bà Nguyễn Thị M, vắng mặt;

10- Bà Nguyễn Thị H, vắng mặt;

11- Bà Lê Thị P, vắng mặt;

12- Ông Lê Hữu C, vắng mặt;

13- Ông Võ Xuân G, vắng mặt;

14- Ông Nguyễn Xuân T2, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

15- Ông Võ Xuân Q, có mặt;

16- Ông Phạm Vũ P, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

17- Bà Hoàng Thị T; địa chỉ: Đường 2/4, khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xét xử vắng mặt.

18- Ông Nguyễn H1 và bà Ngô Thị B1, địa chỉ: huyện G, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

19- Ông Trần T3, địa chỉ: Thôn Hà Trung, xã Gio C, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 10 năm 2017; đơn sửa đổi đơn khởi kiện ngày 05/12/2017 nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Năm 1990, ông Lê Văn Đ (chồng bà L) và bà Nguyễn Thị L đã khai hoang diện tích khoảng 2.500m² đất để trồng cây dương tại khu phố 6, thị trấn G. Từ năm 1999 đến năm 2003 ông Đ, bà L trồng dặm thêm trăm hoa vàng. Năm 2000, UBND huyện G làm đường vào nhà máy nước cắt đôi diện tích đất của ông Đ, bà L đã khai hoang làm 2 phần: Phía Tây con đường có diện tích khoảng 1.500m² đất và phía Đông con đường có diện tích 851m² đất. UBND huyện G đã tiến hành thu hồi 115m² để làm đường và đền bù cho ông Đ và bà L: Đất trồng rừng 46m², đất hoa màu 69m² (theo biên bản kiểm kê giải phóng mặt bằng ngày 27/02/2000 của phòng Địa chính huyện G lập). Năm 2014, vợ chồng ông Thái Văn V và bà Trần Thị B đã nhổ cây dừa gai làm ranh giới trồng cây lâm nghiệp giữa gia đình bà L với gia đình ông V nhưng không ảnh hưởng đến đất bà L sử dụng.

Đến tháng 4/2017, bà L có đơn gửi UBND huyện G xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 851m². Khi xác định thực địa xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Thái Văn V và bà Trần Thị B cho rằng diện tích 851m² đất là của ông V, bà B và ông V, bà B đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1.734m², trong đó có diện tích 540m² đất của ông Đ, bà L khai hoang có vị trí: Phía Tây dài 15m, phía Đông dài 14,8m, phía Nam dài 35,5m, phía Bắc dài 36,5m. Diện tích đất tranh chấp còn lại chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do UBND huyện G đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Thái Văn V và bà Trần Thị B chồng lên một phần diện tích đất của ông Đ và bà L đã khai hoang. Ông Đ là thương binh hạng 1, do vết thương tái phát đã mất ngày 26/01/2016. Vì vậy, bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Đề nghị Tòa án buộc ông Thái Văn V, bà Trần Thị B trả lại cho bà L, ông Lê Văn T, ông Lê Văn K, ông Lê Văn L và Lê Ngọc Đ diện tích 851m² đất, tại khu phố 6, thị trấn G, huyện G có vị trí: Phía Đông giáp trường THPT G dài 36m, phía Tây giáp đường vào giếng nước dài 27,3m, phía Nam giáp đất ông Thái Văn V dài 35,5m, phía Bắc giáp đất UBND thị trấn G quản lý dài 39,1m.

- Tuyên hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 211510 ngày 26/02/2015 của UBND huyện G cấp cho ông Thái Văn V và bà Trần Thị B

với diện tích 540m², có vị trí: Phía Tây dài 15m; phía Đông dài 14,8m; phía Nam dài 35,5m; phía Bắc dài 36,5m.

Ngày 07/6/2018, bà Nguyễn Thị L có đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện với nội dung: Yêu cầu Tòa án tuyên hủy toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU211510 do UBND huyện G cấp ngày 26/02/2015 cho ông Thái Văn V, bà Trần Thị B. Những nội dung còn lại trong đơn khởi kiện được giữ nguyên.

Ngày 23/01/2019, bà L có đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện: Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ lần 02 ngày 13/3/2018 và lần 03 ngày 09/4/2018 của TAND tỉnh Quảng Trị thể hiện diện tích đất bà L tranh chấp với ông V và bà B là 731m², địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, có vị trí: Phía Tây giáp đường vào giếng nước rộng 22,7m; phía Đông giáp trường THPT G dài 23,7m; phía Nam giáp đất ông V dài 34,12m; phía Bắc giáp đất UBND thị trấn quản lý dài 35,3m.

Trong đó: Diện tích đất ông V và bà B lấn chiếm đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 502m², có vị trí: Phía Tây giáp đường vào giếng nước rộng 14,66m; phía Đông giáp trường THPT G dài 14,69m; phía Nam giáp đất ông V dài 34,12m; phía Bắc giáp đất gia đình bà L đang sử dụng dài 34,96m.

Diện tích đất ông V và bà B lấn chiếm chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 229m², có vị trí: Phía Tây giáp đường vào giếng nước rộng 8,03m; phía Đông giáp trường THPT G dài 8,98m; phía Nam giáp đất bà L đang sử dụng nhưng ông V đã được cấp Giấy chứng nhận dài 34,96m; phía Bắc giáp đất UBND thị trấn quản lý dài 35,3m.

Vì vậy, bà L đề nghị TAND tỉnh Quảng Trị giải quyết:

- Công nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Nguyễn Thị L và những người trong hàng thừa kế theo pháp luật của ông Lê Văn Đ (vợ là bà Nguyễn Thị L và các con là Lê Ngọc Đ, Lê Văn T, Lê Văn L và Lê Ngọc K) thừa đất số 158, tờ bản đồ số 31, diện tích 731m², địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, có vị trí: Phía Tây giáp đường vào giếng nước rộng 22,7m; phía Đông giáp trường THPT G dài 23,7m; phía Nam giáp đất ông V dài 34,12m; phía Bắc giáp đất UBND thị trấn G quản lý dài 35,3m.

- Tuyên hủy toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU211510 ngày 26/02/2015 của UBND huyện G cấp cho ông Thái Văn V và bà Trần Thị B, trong đó có diện tích đất cấp chồng lấn qua thửa đất của bà L đang sử dụng 502m², có vị trí: phía Tây giáp đường vào giếng nước rộng 14,66m; phía Đông giáp trường THPT G dài 14,69m; phía Nam giáp đất ông V dài 34,12m; phía Bắc giáp đất gia đình bà L đang sử dụng dài 34,96m.

Ngày 23/5/2019, bà Nguyễn Thị L có đơn sửa đổi khởi kiện: Căn cứ biên bản được lập ngày 23/5/2019 về việc xác định lại diện tích đất tranh chấp theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 09/4/2018 bà L sửa đổi lại yêu cầu khởi kiện: Buộc ông V và bà B trả lại là 805,65m², trong đó có 506,87m² đất ông V, bà B đã

được cấp Giấy chứng nhận và 298,78m² đất chưa được cấp Giấy chứng nhận. Những yêu cầu khác bà L vẫn giữ nguyên đề nghị Tòa án xem xét.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và giám định: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị L 03 lần có đơn yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ và 01 lần yêu cầu giám định tuổi cây tràm trên đất tranh chấp, trong đó đã chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.800.000 đồng và chi phí giám định tuổi cây là 5.200.000 đồng, tổng cộng là 11.000.000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu ông Thái Văn V và bà Trần Thị B phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền đã chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và giám định là 11.000.000 đồng.

Ngày 04/12/2017, ngày 30/12/2017, ngày 21/5/2018, ngày 08/01/2019 và ngày 20/01/2019 bị đơn ông Thái Văn V và bà Trần Thị B có văn bản trình bày:

Về nguồn gốc sử dụng đất: Năm 1986-1987, ông V và bà B khai hoang đất để trồng cây Dương và cây Tràm với diện tích khoảng 3.500m², có vị trí: Phía Bắc giáp đất nhà quản lý nước; phía Nam giáp đất ông Nguyễn Chính H và ông Cổ Thế C; phía Đông giáp trường THPT G; phía Tây giáp đường vào giếng nước. Năm 2014 ông V, bà B làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đến năm 2015 đã được UBND huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1.734m². Diện tích đất còn lại chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình trồng cây: Năm 1986-1987 ông V, bà B trồng cây Dương, đến năm 1993 khai thác đợt 1 và trồng Tràm. Năm 2000 ông V, bà B khai thác đợt 2 bán cho anh H1 và chị B1 ở thôn N, xã M và tiếp tục trồng Tràm. Năm 2007 ông V, bà B khai thác đợt 3 do bão gây một số cây và bán cho anh Tú ở thôn Hà Trung, xã Gio C. Tháng 7/2017, ông V và bà B khai thác đợt 4 thì bà Nguyễn Thị L ra tranh chấp nên UBND thị trấn G yêu cầu dừng khai thác, còn lại khoảng 20 cây chưa khai thác. Còn ông Đ, bà L trồng cây 2 bên phía Nam và phía Bắc. Trong quá trình ông V, bà B khai hoang và trồng cây có một số người biết như ông Phạm Vũ P, Lê Minh P, Trần Ngọc X, Nguyễn Thị M, Lê Hữu C, Nguyễn H1, Ngô Thị B1, Trần T3, Hoàng Thị T. Khi Tòa án về xem xét thẩm định tại chỗ diện tích vườn Tràm khoảng 300m² đất là của ông V, bà B trồng không liên quan đến diện tích đất bà L đang tranh chấp. Những người xác nhận cho bà L không đúng thực tế.

Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Tại đơn trình bày ngày 27/11/2017 và quá trình giải quyết vụ án anh Lê Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L, anh Lê Văn K, Lê Văn L và Lê Ngọc Đ trình bày: Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Ngày 13/4/2018 và ngày 20/3/2019, UBND huyện G là người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan có văn bản trình bày:

Ngày 16/6/2014, ông Thái Văn V và bà Trần Thị B có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi UBND thị trấn G đối với thửa đất số 06, tờ bản đồ 31, diện tích 1.734m² đất rừng sản xuất (RSX) có nguồn gốc khai hoang từ năm 1987. UBND thị trấn G đã tiến hành lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, phối hợp với Công ty TNHH MTV khảo sát và đo đạc B, các tổ chức và cá nhân có liên quan để đo đạc thửa đất số 06 (được lấy từ thửa cuối của tờ bản đồ 31 là thửa 158), hợp và xét công khai hồ sơ xin cấp giấy CNQSD đất (từ 04/7/2014 đến ngày 24/7/2014). Trong quá trình công khai không có cá nhân, tổ chức nào có ý kiến nên đề nghị UBND huyện, Phòng TN-MT huyện thẩm định, cấp Giấy CNQSD đất đối với thửa đất số 158 (đo đạc chỉnh lý từ thửa số 06), tờ bản đồ số 31.

Căn cứ khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về thi hành Luật đất đai. Ngày 26/02/2015, UBND huyện G đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 211510 cho ông Thái Văn V, bà Trần Thị B với diện tích 1.734m², thuộc thửa số đất 158 (đo đạc chỉnh lý từ thửa số 06), tờ bản đồ số 31, tại khu phố 6, thị trấn G, mục đích sử dụng đất trồng rừng sản xuất.

Tuy nhiên, tại Phiếu lấy ý kiến khu dân cư, thành phần tham gia cuộc họp không có đại diện UBND thị trấn G là không đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình thẩm định hồ sơ cấp giấy CNQSD đất cho ông V và bà B nêu biết được hồ sơ thu hồi đất để làm đường vào giếng nước (được UBND tỉnh Quảng Trị thu hồi tại Quyết định 1525/QĐ-UB ngày 20/9/1999) thì kiểm tra, rà soát lại hồ sơ mới tiến hành cấp Giấy CNQSD đất cho ông V và bà B theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với diện tích 229m² tại sơ đồ kèm theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 09/4/2018 của TAND tỉnh Quảng Trị là 01 phần của thửa số 06, tờ bản đồ số 31, thị trấn G.

Ngày 22/01/2018, 27/02/2019 và ngày 07/3/2019, UBND thị trấn G là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có văn bản trình bày:

Về trình tự, thủ tục cấp lại giấy CNQSD đất cho ông Thái Văn V và bà Trần Thị B: Hộ ông Thái Văn V và bà Trần Thị B đã được UBND huyện G cấp Giấy CNQSD đất số 0888516 theo quyết định số 300/QĐ-UB ngày 06/7/1999 với diện tích 891m², tại thửa số 05, tờ bản đồ số 32 và thửa 6/1, tờ bản đồ số 21. Mục đích sử dụng: Đất trồng rừng sản xuất. Hiện quyết định số 300/QĐ-UB ngày 06/7/1999 đã bị thu hồi và lưu giữ tại Phòng nội vụ huyện G.

Ngày 16/4/2014, UBND thị trấn nhận được hồ sơ xin cấp lại giấy CNQSD đất của ông V với lý do: Diện tích sử dụng ổn định nhưng lớn hơn thực tế được cấp và vị trí thửa đất không đúng với vị trí thực tế.

Tại phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 16/4/2014 về xác định nguồn gốc và

thời điểm sử dụng đất do ông Nguyễn Minh C - Khu phố trưởng khu phố 6 chủ trì cuộc họp có sự tham gia của ông Nguyễn Chính H, Đỗ Văn T1, Nguyễn Xuân Đ1, Nguyễn Đăng P là những người sống quanh khu vực có thửa đất xác nhận: “Đất ông V đang sử dụng có nguồn gốc khai hoang ổn định, không có tranh chấp”.

Ngày 04/7/2014, Hội đồng tư vấn xét cấp Giấy CNQSDĐ đã tiến hành kiểm tra thực địa diện tích đất đề nghị cấp đổi lại Giấy của ông V thì trên đất có cây tràm trồng trên 10 năm tuổi, cùng ngày Hội đồng đã họp xét và đồng ý cho ông V và bà B được cấp đổi lại Giấy chứng nhận.

Ngày 04/7/2014, UBND thị trấn niêm yết công khai hồ sơ xin cấp đổi và cấp lại Giấy chứng nhận của ông V (từ 04/7 đến ngày 24/7/2014). Quá trình niêm yết không ai có ý kiến. Vì vậy, ngày 24/7/2014 UBND thị trấn đã hoàn thiện hồ sơ trình UBND huyện xem xét cấp đổi, cấp lại Giấy CNQSDĐ đất cho ông V.

Qua xem xét trình tự, thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất cho ông V và bà B thấy rằng: UBND thị trấn không tổ chức họp dân để lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất mà chỉ tiến hành kiểm tra những người có tên trong phiếu lấy ý kiến và chữ ký xác nhận vào biên bản do gia đình ông V nộp kèm theo hồ sơ cấp đổi, cấp lại.

Công khai niêm yết hồ sơ từ ngày 04/7/2014 đến ngày 24/7/2014 nhưng quy trình lập hồ sơ có sơ xuất nên ghi sai ngày tại phần xác nhận của UBND thị trấn.

Đối với diện tích 229m² đất chưa được cấp Giấy chứng nhận đang tranh chấp thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ 31 là đất hoang bằng do UBND thị trấn quản lý. Hiện trên đất tranh chấp có một số cây tràm trên 05 năm tuổi chưa xác định được chủ sở hữu. Đề nghị Tòa án xem xét làm rõ nguồn gốc, thời điểm, mục đích sử dụng đối với diện tích 229m² đất tranh chấp tại thửa đất số 06, tờ bản đồ 31 đồng thời xác định chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức 02 phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đại diện UBND huyện G và UBND thị trấn G đều không đến tham gia, do đó nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị không tiếp tục tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không yêu cầu Tòa án tiếp tục xem xét, thẩm định tại chỗ và giám định mà sử dụng kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, giám định trước đây để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Ngày 23/5/2019, đại diện nguyên đơn và bị đơn cùng Tòa án lập biên bản về việc xác định lại diện tích đất tranh chấp theo biên bản thẩm định tài sản ngày 09/4/2019.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 161, khoản 1 Điều 162, điểm b khoản 2 Điều

227, Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 101, điểm, a khoản 2 Điều 135, điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 20, Điều 21 và Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ “Quy định chi tiết về thi hành Luật đất đai năm 2013”; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án”. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

- Buộc ông Thái Văn V và bà Trần Thị B trả lại cho bà Nguyễn Thị L và những người thuộc hàng thừa kế của ông Lê Văn Đ 506,87m² đất nằm trong diện tích 1.734m² đất, tại thửa đất số 158 (đo đạc chỉnh lý từ thửa 06), tờ bản đồ 31, thuộc khu phố 6, thị trấn G, huyện G, đã được UBND huyện G đã cấp giấy CNQDS đất số BU 211510 ngày 26/02/2015 cho ông Thái Văn V và bà Trần Thị Bưởi, có vị trí:

- + Đông giáp tường rào trường THPT G dài 14,69m;
- + Tây giáp đường vào giếng nước dài 14,66m;
- + Nam giáp đất ông V và bà B dài 34,12m;
- + Bắc giáp đất UBND thị trấn G đang quản lý dài 34,96m.

(Kèm theo Sơ đồ hiện trạng khu đất đang tranh chấp tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/4/2018 và Biên bản làm việc ngày 24/5/2019).

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 211510 ngày 26/02/2015 của UBND huyện G đã cấp cho ông Thái Văn V và bà Trần Thị B với diện tích 1.734m² đất tại thửa số 158 (trích từ thửa số 06), tờ bản đồ số 31, thuộc khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Bà Nguyễn Thị L và những người trong hàng thừa kế của ông Lê Văn Đ có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 506,87m² đất.

2. Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về việc buộc ông Thái Văn V và bà Trần Thị B trả lại cho bà L và những người thuộc hàng thừa kế của ông Lê Văn Đ 298,78m² đất tại thửa số 06, tờ bản đồ số 31, thuộc khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, có vị trí:

- + Đông giáp tường rào trường THPT G dài 8,98m;
- + Tây giáp đường vào giếng nước G3 dài 8,03m;
- + Nam giáp đất của bà Nguyễn Thị L dài 34,96m;
- + Bắc giáp đất UBND thị trấn đang quản lý dài 35,3m;

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và trung cầu giám định: Ông Thái Văn V và bà Trần Thị B phải trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng chẵn).

4. Về án phí:

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị L 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ

thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 000511 ngày 13/11/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

- Ông Thái Văn V và bà Trần Thị B phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất trả chậm và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 31/5/2019 và ngày 10/6/2019, ông Thái Văn V và bà Trần Thị B kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, với các lý do:

Không chấp nhận hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà với lý do sai sót thủ tục hành chính; Không chấp nhận trả lại cho bà L 506,65m² đất; Không chấp nhận trả tiền án phí, tiền xem xét thẩm định tại chỗ và tiền Giám định cây do bà L yêu cầu.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị B đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Thái Văn V giữ nguyên nội dung kháng cáo như đơn kháng cáo của của ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định về tố tụng. Án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án dân sự đúng trình tự, thủ tục. Về nội dung, ông Thái Văn V và bà Trần Thị B kháng cáo, nay người đại diện bị đơn vẫn giữ nguyên các nội dung kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ mới nào, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự và của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự được triệu tập hợp lệ, tuy nhiên có một số đương sự và người làm chứng vắng mặt, theo đề nghị của các đương sự có mặt và của Kiểm sát viên, HĐXX xét thấy đây là phiên tòa được triệu tập lần thứ hai nên quyết định tiếp tục tiến hành phiên tòa.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Thái Văn V và bà Trần Thị B yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết xem xét việc ông bà không chấp nhận trả lại cho bà L 506,65m² đất, HĐXX thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét làm rõ các vấn đề về lời khai của những người làm chứng; về thực tế còn đường cắt hai thửa đất vào giếng nước mà các hộ có đất bị ảnh hưởng; về giám định tuổi các cây có trên đất để xác định diện tích đất trên thuộc quyền quản lý sử dụng của vợ chồng bà L ông Đ là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, những vấn đề trên đã được xem xét đánh giá lại một cách toàn diện, như: Theo hai Giấy xác nhận ngày 19/10/2017 và tại các Biên bản xác minh ngày 28/3/2018, ông Nguyễn

Chính H và ông Nguyễn Xuân Đ1 trình bày: “Thửa đất đang tranh chấp 851 m² do ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị L khai hoang trồng tràm từ năm 1990. Hiện nay toàn bộ số cây tràm trên đất tranh chấp là của ông Đ, bà L. Ngày 16/6/2014, ông Hoài, ông Độ có ký vào phiếu lấy ý kiến khu dân cư là do ông V đem đến nhờ ký xác nhận ông V có diện tích đất khai hoang và trồng cây trên đất. Thực tế đất của ông V khai hoang không đúng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông V, trong đó có một phần đất của bà L. Khi Nhà nước mở đường vào giếng nước đã cắt đôi diện tích đất của ông V, bà L”. Giấy xác nhận ngày 19/10/2017 và Biên bản xác minh ngày 28/3/2018, ông Nguyễn Đăng P trình bày: “Diện tích đất đang tranh chấp 851 m² nguồn gốc do ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị L khai hoang trồng tràm từ năm 1990. Chữ ký tại phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 16/6/2014 không phải là chữ ký của ông P và ông P không biết việc ông V có đất khai hoang và trồng cây trên đất tại khu phố 6, thị trấn G”. Giấy xác nhận ngày 19/10/2017 và Biên bản xác minh ngày 18/4/2018, bà Phan Thị L trình bày: “Diện tích đất đang tranh chấp 851 m² là do vợ chồng ông Đ, bà L khai hoang trồng tràm từ năm 1990”. Giấy xác nhận ngày 30/11/2017 (do bị đơn cung cấp), Biên bản xác minh ngày 18/4/2018 và tại biên bản đối chất ngày 03/5/2018, ông Phạm Vũ P trình bày: “Ông V, ông Đ đều khai hoang trên diện tích đất đang tranh chấp, nhưng khai hoang bao nhiêu thì ông Phụng không biết. Đối với Giấy xác nhận ngày 30/11/2017 do ông V, bà B cung cấp cho Tòa án, về nội dung của giấy xác nhận là do ông V viết sẵn và đem đến nhà nhờ ông Phụng ký xác nhận”. Giấy xác nhận ngày 29/11/2017 (bị đơn cung cấp) và Biên bản xác minh ngày 18/4/2018, ông Trần Ngọc X trình bày: “ Ông Xinh biết ông V có khai hoang diện tích đất và trồng tràm ở phía Đông đường vào giếng nước, nhưng diện tích bao nhiêu và trồng tràm thời điểm nào thì ông Xinh không nhớ. Đối với nội dung của Giấy xác nhận nộp cho Tòa án là do ông V viết sẵn và đem đến nhà nhờ ông Xinh ký xác nhận”. Giấy xác nhận ngày 30/11/2017 (bị đơn cung cấp) và Biên bản xác minh ngày 18/4/2018, ông Nguyễn Xuân T2 và bà Nguyễn Thị M trình bày: “Ông V, ông Đ đều khai hoang và trồng tràm trên diện tích đất có vị trí phía Bắc giáp nhà quản lý nước, phía Nam giáp đất ông Nguyễn Chính H và ông Cổ Thế Chung, phía Đông giáp tường rào trường THPT, phía Tây giáp đường vào giếng nước, diện tích khai hoang của mỗi người bao nhiêu thì không biết. Đối với Giấy xác nhận ngày 30/11/2017, nội dung là do ông V soạn sẵn và mang đến nhờ ông T2 và bà Mai ký”. Biên bản xác minh ngày 18/4/2018, ông Võ Xuân Q (Nguyễn Quỳnh) là hộ liền kề trình bày: “Năm 1999 Nhà nước quy hoạch mở đường vào giếng nước, con đường cắt đôi diện tích đất của 04 hộ là: Ông Cổ Thế Lưu, ông Thái Văn V, ông Lê Văn Đ và của tôi (Quỳnh). Diện tích đất 1.734m² mà ông V được cấp Giấy CNQSDĐ bao gồm diện tích đất mà ông Đ, bà L đã khai hoang trồng tràm. Diện tích đất đang tranh chấp (trong đó có đất đã được cấp Giấy CNQSDĐ và có đất chưa được cấp Giấy CNQSDĐ) mà ông V cho rằng

ông đã khai hoang trồng tràm là do ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị L trồng”. Tại phiên tòa sơ thẩm, những người làm chứng có mặt đều khẳng định lại nội dung trình bày nêu trên là đúng sự thật.

[3] Ngoài ra: Theo biên bản làm việc ngày 28/7/2017 tại UBND thị trấn G, ông Thái Văn V trình bày: “Năm 2007 ông V khai thác cây tràm lần thứ 3 bán cho ông T, xã Gio C, cây tràm ông V trồng từ 2007-2008 cho đến nay 10 năm tuổi”. Bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu giám định tuổi cây tràm có trên đất tranh chấp. Ngày 23/3/2018 Trung tâm khoa học Lâm nghiệp Bắc Trung bộ đã tiến hành lấy mẫu giám định tuổi cây. Tại báo cáo giám định tuổi cây số 15/CV-TNBTB ngày 11/4/2018 của Trung tâm khoa học Lâm nghiệp Bắc Trung bộ kết luận cây số 1 keo lá tràm 13,5 tuổi. Như vậy, lời khai của ông V là không phù hợp kết quả giám định độ tuổi cây mà kết quả này lại phù hợp với độ tuổi cây do ông Đ trồng trên diện tích đất tranh chấp. Theo quyết định số 1525/QĐ-UB ngày 20/9/1999 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao đất xây dựng đường vào bãi giếng nước ngầm G3 tại thị trấn G, các hộ có đất bị thu hồi để mở con đường rộng 7m vào giếng nước, gồm: Ông Cổ Thế L 567m², có chiều dài theo đường vào giếng nước 81m; ông Thái Văn V 224m², có chiều dài 32m; ông Lê Văn Đ 115m², có chiều dài 16,4m; ông Nguyễn Quỳnh 3.203m², có chiều dài 457,5m. Tuy nhiên, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 211510 ngày 26/2/2015 của UBND huyện G cấp cho ông Thái Văn V, bà Trần Thị B có chiều dài theo đường vào giếng nước ngầm là 53,15m, vượt so với hồ sơ khi thu hồi đất là 21,15m (53,15m - 32m). Qua kiểm tra thực địa, lấy mốc giới thừa đất, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định số đất mà gia đình ông Thái Văn V lấn chiếm của gia đình bà Nguyễn Thị L là 805,65m², trong đó có 506,87m² đã được UBND huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 298,78m² chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc của ông Võ Xuân Q (Nguyễn Q) khai hoang trồng tràm và đã thừa nhận là cho ông Đ bà L.

[4] Xét kháng cáo của ông Thái Văn V và bà Trần Thị B yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết xem xét việc: Ông bà không chấp nhận hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà với lý do sai sót thủ tục hành chính, HĐXX thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các quy trình lập các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông V bà B đối với 1.734m² đất là có sai sót vi phạm các quy định của pháp luật, nên đã tuyên hủy Giấy CNQSDĐ số BU 211510 ngày 26/02/2015 của UBND huyện G đã cấp cho ông Thái Văn V và bà Trần Thị B với diện tích 1.734m² đất tại thửa số 158 (trích từ thửa số 06), tờ bản đồ số 31, thuộc khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay những sai sót trên đã được thẩm tra lại là có thật. Việc cấp Giấy CNQSD đất cho ông V bà B vừa không đúng với quy trình cấp Giấy CNQSD đất theo pháp luật quy định, vừa xâm phạm đến quyền sử dụng đất của người khác, thể hiện: Hồ sơ xin cấp đất của ông Thái Văn V và bà Trần

Thị B có Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 16/6/2014 do ông Nguyễn Minh C chủ trì, có chữ ký của 04 người tham gia là các ông Nguyễn Xuân Đ1, Nguyễn Chính H, Nguyễn Đăng P và Đỗ Văn T1. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh, có kết quả: Ông C, ông Đ1, ông H trình bày: “*Khu phố không tổ chức cuộc họp mà ông V đem Phiếu đã viết sẵn nội dung đến từng hộ gia đình nhờ ký xác nhận*”. Còn ông P cho rằng: “*Chữ ký Nguyễn Đăng P tại phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 16/6/2014 không phải chữ ký của ông P, ông cũng không biết việc ông V có đất khai hoang và trồng cây trên đất tại khu phố 6, thị trấn G*”. Ông Tường trình bày là: “*Ông không nhớ có cuộc họp đó hay không, ông biết ông V có khai hoang trồng cây ở khu vực đường vào giếng nước nhưng không biết diện tích đất là bao nhiêu và ở vị trí nào*”. Mặt khác, ông V xin chữ ký của ông Độ, ông P và ông Tường để xác nhận nguồn gốc, tình trạng sử dụng đất mà những người này không phải là hộ sử dụng đất liền kề, trong khi bà L là người sử dụng đất liền kề với ông V thì không có chữ ký xác nhận là không đúng quy trình. Văn bản số 81/BC-UBND ngày 13/4/2018, UBND huyện G thừa nhận: Thành phần tham gia cuộc họp lấy ý kiến khu dân cư không có đại diện UBND thị trấn là không đúng quy định. Hồ sơ thể hiện việc niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V, bà B từ ngày 04/7/2014 đến 24/7/2014 nhưng việc đo đạc bản đồ địa chính thửa đất của ông V, bà B được Công ty TNHH MTV khảo sát và đo đạc B đo vẽ ngày 30/01/2015 và Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện G thẩm định ngày 04/02/2015, là không phù hợp về mặt thời gian. Như vậy, trình tự, thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ số BU 211510 ngày 26/02/2015 của UBND huyện G cấp cho ông Thái Văn V, bà Trần Thị B là không đúng với quy định tại các Điều 8, 12 Thông tư số 24/2014/TT- TNMT ngày 19/5/2014; Điều 20, 21, 70 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Điều 101 Luật đất đai năm 2013.

[5] Xét kháng cáo của ông Thái Văn V và bà Trần Thị B yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết xem xét việc: Ông bà không chấp nhận trả tiền án phí, tiền xem xét thẩm định tại chỗ và tiền Giám định cây do bà L yêu cầu, HĐXX thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích từng trường hợp các đương sự phải chịu tương ứng với việc yêu cầu của mình được chấp nhận hay không chấp nhận để xác định số tiền phải chịu là đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn kháng cáo không được chấp nhận nên ngoài việc phải chịu án phí phúc thẩm còn phải tiếp tục chịu các chi phí như bản án sơ thẩm.

[6] Từ những phân tích và nhận định trên đây, xét thấy ông Thái Văn V và bà Trần Thị B kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị

kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Thái Văn V và bà Trần Thị B, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 161, khoản 1 Điều 162, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 101, điểm, a khoản 2 Điều 135, điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 20, Điều 21 và Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ “Quy định chi tiết về thi hành Luật đất đai năm 2013”; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án”. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

- Buộc ông Thái Văn V và bà Trần Thị B trả lại cho bà Nguyễn Thị L và những người thuộc hàng thừa kế của ông Lê Văn Đ 506,87m² đất nằm trong diện tích 1.734m² đất, tại thửa đất số 158 (đo đạc chỉnh lý từ thửa 06), tờ bản đồ 31, thuộc khu phố 6, thị trấn G, huyện G, đã được UBND huyện G đã cấp Giấy CNQSDĐ đất số BU 211510 ngày 26/02/2015 cho ông Thái Văn V và bà Trần Thị Bưởi, có vị trí:

- + Đông giáp tường rào trường THPT G dài 14,69m;
- + Tây giáp đường vào giếng nước dài 14,66m;
- + Nam giáp đất ông V và bà B dài 34,12m;
- + Bắc giáp đất UBND thị trấn G đang quản lý dài 34,96m.

(Kèm theo Sơ đồ hiện trạng khu đất đang tranh chấp tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/4/2018 và Biên bản làm việc ngày 24/5/2019)

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 211510 ngày 26/02/2015 của UBND huyện G đã cấp cho ông Thái Văn V và bà Trần Thị B với diện tích 1.734m² đất tại thửa số 158 (trích từ thửa số 06), tờ bản đồ số 31, thuộc khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Bà Nguyễn Thị L và những người trong hàng thừa kế của ông Lê Văn Đ có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 506,87m² đất.

2. Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về việc buộc ông Thái Văn V và bà Trần Thị B trả lại cho bà L và những người thuộc hàng thừa kế của ông Lê Văn Đ

298,78m² đất tại thửa số 06, tờ bản đồ số 31, thuộc khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, có vị trí:

- + Đông giáp tường rào trường THPT G dài 8,98m;
- + Tây giáp đường vào giếng nước G3 dài 8,03m;
- + Nam giáp đất của bà Nguyễn Thị L dài 34,96m.
- + Bắc giáp đất UBND thị trấn đang quản lý dài 35,3m;

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và trưng cầu giám định: Ông Thái Văn V và bà Trần Thị B phải trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng chẵn).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Thái Văn V và bà Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng. Ông V và bà B đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 624 ngày 19/6/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 01/11/2019)

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường